

Bản án số: 43/2022/DS-ST
Ngày: 18-8-2022
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Dũng.
2. Ông Nguyễn Hoàng Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2020, về tranh chấp quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn H, sinh năm 1962. Địa chỉ cư trú: ấp A, xã B, huyện HN, tỉnh ĐT. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Thành P (tên gọi khác là T), sinh năm 1970. Địa chỉ cư trú: ấp A, xã B, huyện HN, tỉnh ĐT. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- 3.1 Anh Hồ Văn L, sinh năm 1984;
- 3.2 Chị Lê Thị Thùy T, sinh năm 1987;
- 3.3 Bà Dương Thị Bé N, sinh năm 1965;
- 3.4 Anh Lê Hiền Đ, sinh năm 1986;
- 3.5 Chị Lê Thị Trang E, sinh năm 1988;

Người đại diện hợp pháp cho anh Hồ Văn L, chị Lê Thị Thùy T, bà Dương Thị Bé N, anh Lê Hiền Đ, chị Lê Thị Trang E theo ủy quyền là ông Lê Văn H, sinh năm

1962. Cùng địa chỉ cư trú: ấp A, xã B, huyện HN (Văn bản ủy quyền các ngày 02/3/2021 và ngày 03/3/2021). Có mặt.

3.6 Bà Lê Thị P, sinh năm 1944. Địa chỉ cư trú: ấp A, xã B, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

3.7 Bà Lê Thị K, sinh năm 1960. Địa chỉ cư trú: ấp A, xã B, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

3.8 Bà Lê Thị S, sinh năm 1965. Địa chỉ cư trú: ấp A, xã B, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

3.9 Bà Lê Thị M, sinh năm 1969. Địa chỉ cư trú: ấp A, xã B, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

3.10 Chị Lê Thị Tuyết T, sinh năm 1975. Địa chỉ cư trú: ấp A, xã B, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

3.11 Chị Lê Thị Bảo N, sinh năm 2000. Địa chỉ cư trú: ấp A, xã B, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

3.12. Ông Lê Văn D, sinh năm 1941 (chết). Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn D gồm:

3.12.1 Chị Lê Thị N, sinh năm 1973. Địa chỉ cư trú: ấp A, xã B, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

3.12.2 Anh Lê Thành N, sinh năm 1978. Địa chỉ cư trú: ấp A, xã B, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

3.12.3 Chị Lê Thị H, sinh năm 1991. Địa chỉ cư trú: ấp A, xã B, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

3.12.4 Chị Lê Thị N, sinh năm 1987. Địa chỉ cư trú: ấp A, xã B, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

3.12.5 Chị Lê Thị Gh, sinh năm 1985. Địa chỉ cư trú: ấp A, xã B, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

3.12.6 Chị Lê Thị Ngọc B, sinh năm 1971. Địa chỉ: ấp Phú T, xã Phú X, huyện Phú T, tỉnh AG. Vắng mặt.

3.12.7 Anh Lê Thành N, sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp Kinh Đào Đ, xã Đất M, huyện Ngọc H, tỉnh Cà M. Vắng mặt.

3.13 Chị Lê Thị Tuyết G, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp Thành L, xã Tân Công C, huyện TH, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

3.14 Bà Lê Thị L, sinh năm 1954 (chết). Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị L, gồm:

3.14.1 Chị Ôn Thị Thanh T, sinh năm 1971. Địa chỉ cư trú: ấp A, xã B, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

3.14.2 Anh Ôn Trường G, sinh năm 1974. Địa chỉ cư trú: ấp A, xã B, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

3.14.3 Chị Ôn Thị Thanh L, sinh năm 1979. Địa chỉ cư trú: ấp A, xã B, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

3.14.4 Chị Ôn Thị Bích Đ, sinh năm 1979. Địa chỉ cư trú: ấp A, xã B, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

3.14.5 Anh Ôn Trường S, sinh năm 1982. Địa chỉ cư trú: ấp A, xã B, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

3.14.6 Anh Ôn Trường H, sinh năm 1984. Địa chỉ cư trú: ấp A, xã B, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/02/2020 trong quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn ông Lê Văn H - đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hồ Văn L, chị Lê Thị Thùy T, bà Dương Thị Bé N, anh Lê Hiền Đ, chị Lê Thị Trang E, trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp mẹ của ông là cụ Lê Thị Đ (chết ngày 30/4/2010) được ông bà cho trước năm 1975, có diện tích chiều ngang 05m x chiều dài 300m. Khoảng 1988-1989 thì mẹ ông để lại cho ông. Vào khoảng 1978 - 1979 cụ Đ cho em ruột là cụ Lê Văn M là ông nội của ông Lê Thành P phần đất có diện tích chiều ngang 5m, dài 13m, việc cho mượn đất không có giấy tờ và cũng không có ai chứng kiến. Năm 1995, ông làm đơn khiếu nại đến ấp A, xã B để yêu cầu cụ M trả đất mà trước đây cụ Đ cho cụ M mượn để cất nhà thì tại phiên hòa giải cụ M thỏa thuận là xin ở hết đời vợ chồng cụ M thì các con cụ M phải trả lại phần đất đã mượn cho ông (vì phần đất này mẹ ông đã cho lại ông). Việc thỏa thuận trả đất giữa ông và cụ M được ban nhân dân ấp A, xã B hòa giải thành ngày 23/8/1995. Năm 2000 ông đã đi đăng ký quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và năm 2001 thì ông đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Khi vợ chồng cụ M cất nhà ở thì các người con cụ M không có ở chung, chỉ có vợ chồng cụ M sống trong nhà. Năm 2005 vợ cụ M chết chỉ còn lại cụ M sống trong nhà. Đến năm 2010 ông Lê Thành P đã có vợ ở nhà riêng tự nhập hộ khẩu về ở chung nhà với cụ M. Năm 2012 cụ M chết, ông P dọn đồ đạc vào ở nhà cụ M nhằm mục đích chiếm đoạt phần đất của mẹ ông đã cho cụ M mượn. Do đó, ông làm đơn khởi kiện yêu cầu ông P và những người thừa kế của cụ M trả lại phần đất mà mẹ ông đã cho cụ M mượn cất nhà ở.

Vào năm 2018 Tòa án nhân dân huyện HN và Tòa án nhân dân tỉnh ĐT xét xử thì ông và ông P thống nhất không tranh chấp phần đất làm lối đi chung cho người dân xung quanh theo sơ đồ đo đạc thực tế có diện tích 17,9m² trong phạm vi các mốc M21, M4, M2, M1, M17, M19, M20 đến M21 thuộc một phần thửa 521 tờ bản đồ số 09 tức là phần đất bên hong và trước cửa nhà ông P.

Tại bản án số 02/2018/DS-ST ngày 12/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện HN và

bản án số 135/2018/DS-PT ngày 04/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh ĐT đã tuyên xử:

“Buộc ông Lê Thành P, Lê Thị Tuyết T, Lê Thị Bảo N, Lê Thị P, Lê Thị K, Lê Thị S, Lê Thị M, Ôn Thị Thanh T, Ôn Trường G, Ôn Thị Thanh L, Ôn Thị Bích Đ, Ôn Trường S, Ôn Trường H liên đới trả giá trị đất cho ông Lê Văn H diện tích 57,9m², giá 500.000đồng/m², thành tiền là 28.950.000 đồng.

Ông Lê Thành P, Lê Thị Tuyết T, Lê Thị Bảo N, Lê Thị P, Lê Thị K, Lê Thị S, Lê Thị M, Ôn Thị Thanh T, Ôn Trường G, Ôn Thị Thanh L, Ôn Thị Bích Đ, Ôn Trường S, Ôn Trường H được tiếp tục sử dụng diện tích đất 57,9 m² thuộc một phần thửa 126, tờ bản đồ số 9, đất tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện HN, tỉnh ĐT (theo sơ đồ thể hiện ở vị trí số 12,15,20,23), vị trí :

- + Hướng Đông giáp đất ông Lê Văn H 4,4 mét
- + Hướng Tây giáp đất ông Lê Văn H 4,4 mét
- + Hướng Nam giáp đất ông Lê Văn V 13 mét
- + Hướng Bắc giáp đất những người thừa kế cụ Lê Văn M 13,1mét

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký cấp quyền sử dụng đất đối với diện tích mà mình được sử dụng nêu trên.

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện HN thu hồi quyền sử dụng đất đối với diện tích 57,9 m² thuộc một phần thửa 126, tờ bản đồ số 9 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Lê Văn H ngày 08/10/2001 (Vị trí như đã nêu trên) để cấp lại cho những người thừa kế của cụ Lê Văn M là ông Lê Thành P, Lê Thị Tuyết T, Lê Thị Bảo N, Lê Thị P, Lê Thị K, Lê Thị S, Lê Thị M, Ôn Thị Thanh T, Ôn Trường G, Ôn Thị Thanh L, Ôn Thị Bích Đ, Ôn Trường S, Ôn Trường H - là những người được tiếp tục sử dụng (nếu các đương sự có yêu cầu).

Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Lê Thành P (Đại diện cho cả Lê Thị Tuyết T, Lê Thị Bảo N, Lê Thị P, Lê Thị K, Lê Thị S, Lê Thị M, Ôn Thị Thanh T, Ôn Trường G, Ôn Thị Thanh L, Ôn Thị Bích Đ, Ôn Trường S, Ôn Trường H), về việc buộc ông Lê Văn H, anh Nguyễn Văn K tháo dỡ một phần hàng rào và chuồng gà.

Buộc ông Lê Văn H, anh Nguyễn Văn K có trách nhiệm tháo dỡ, di dời bằng mọi hình thức phần hàng rào, chuồng gà cùng với các vật dụng khác (nếu có) ra khỏi diện tích đất 5,7m² thuộc một phần thửa 521, tờ bản đồ số 09 tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện HN (theo sơ đồ ở vị trí số 1,3,4,5,8,9,10) để giao trả lại cho Lê Thành P, Lê Thị Tuyết T, Lê Thị Bảo N, Lê Thị P, Lê Thị K, Lê Thị S, Lê Thị M, Ôn Thị Thanh T, Ôn Trường G, Ôn Thị Thanh L, Ôn Thị Bích Đ, Ôn Trường S, Ôn Trường H là những người thừa kế của cụ Lê Văn M quản lý, sử dụng...”

Theo bản án số 135/2018/DS-PT ngày 04/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh ĐT cho ông P sử dụng phần đất có diện tích chiều ngang 4,4m dài x 12m = 57m² nhưng ông P cất nhà không theo phạm vi bản án số 135 mà cất nhà lấn qua phần đất của ông có

chiều ngang 0,6m x dài 21,8m=13,8m² theo sơ đồ đo đạc thực tế có diện tích 12,4m² trong phạm vi các mốc từ M4, M5, M3, M11, M13, M14, M12, M2 đến mốc M4 thuộc một phần thửa 521 tờ bản đồ 9. Đây là phần đất ông dùng làm đường đi chung cho mọi người ở phía sau nhưng ông P trồng cây cặp nhà con ông là chị Lê Thị Thùy T và làm cho bà con đi lại gặp khó khăn. Khi ông làm đơn khởi kiện thì yêu cầu ông Lê Thành P di dời tài sản trả lại cho ông phần đất có diện tích 13,8m² thuộc thửa 126 tờ bản đồ 09 nhưng sau khi được giải thích và xem sơ đồ đo đạc thực tế của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai và Công văn của Ủy ban nhân dân huyện HN cung cấp thông tin cho Tòa án thì phần đất ông yêu cầu ông P trả lại có diện tích 12,4m² thuộc một phần thửa 521 tờ bản đồ 09 đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện HN, tỉnh ĐT, nếu ông P đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông thì phần đất bên hông nhà chị T, trước cửa nhà ông P có diện tích 3,6m² thì yêu cầu ông P phải di dời cây trồng để làm lối đi cho người dân xung quanh, còn phần đất ông P cất nhà thì thống nhất để ông P trả giá trị đất. Việc ông P trình bày bản án của Tòa án huyện HN và Tòa án nhân dân tỉnh ĐT đã xét xử đã giao phần đất tranh chấp cho những người thừa kế của cụ M không đúng, vì phần quyết định của hai bản án không có nêu.

Trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm: Bị đơn ông Lê Thành P trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Lê Văn C và Nguyễn Thị N để lại cho cụ Lê Văn M là ông nội của ông. Phần đất tranh chấp có diện tích 12,4m² thuộc một phần thửa 521 tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại xã B, huyện HN, tỉnh ĐT, do cụ M sử dụng từ năm 1975 cho đến nay, đất tranh chấp không phải thuộc thửa đất 126 do ông H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vấn đề này đã được xác định tại sơ đồ đo đạc ngày 28/11/2017 mà Tòa án đã xác định trong vụ kiện tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông và ông H, tại bản án phúc thẩm số 135/2018/DS-PT ngày 04/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh ĐT. Phần đất tranh chấp không có cạnh nào giáp nhà ông Nguyễn Ngọc N mà chỉ có cạnh giáp với lối đi của cụ M chiều ngang khoảng 1,1m đã sử dụng liên tục từ năm 1975 đến nay, hiện là lối đi ông đang sử dụng và giáp với nhà chị Lê Thị Thùy T. Theo sơ đồ đạc thực tế ngày 28/11/2017 phần đất tranh chấp ở vị trí 25 có diện tích 3,6m² thuộc thửa 521 của cụ M đã được bản án phúc thẩm số 135 nhận định “diện tích thuộc vị trí 25 trên sơ đồ là thuộc thửa 521 thuộc quyền sử dụng đất của ông Lê Văn M nên những người thừa kế của ông M tiếp tục được sử dụng”. Theo ông phần đất ông H yêu cầu ông trả lại là nằm ở vị trí 14, 18, 21 theo sơ đồ ngày 28/11/2017 trên đó có nhà gắn liền với phần nhà chính đều thuộc thửa 521 mà bản án phúc thẩm số 135 đã tuyên xử thuộc về ông. Diện tích đất mà tại bản án số 02 của Tòa án nhân dân huyện HN và bản án 135 của Tòa án nhân dân tỉnh ĐT thì ông và ông H đã thi hành án xong nhưng do những người thừa kế của cụ M hơi đông, chưa làm thủ tục đầy đủ nên hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với những phần đất mà Tòa án đã tuyên thuộc về bên ông. Ông không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Lê Văn H, đề nghị Tòa án công nhận cho ông được quyền sử dụng phần đất tranh chấp.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm bà Lê Thị P, bà Lê Thị K, bà Lê Thị S, bà Lê Thị M, chị Lê Thị Tuyết T, chị Lê Thị Bảo N, chị Lê Thị N, anh Lê Thành N, chị Lê Thị H, chị Lê Thị N, chị Lê Thị Gh, chị Lê Thị Ngọc B, anh Lê Thành N, chị Lê Thị Tuyết G, chị Ôn Thị Thanh T, anh Ôn Trường G, chị Ôn Thị Thanh L, chị Ôn Thị Bích Đ, anh Ôn Trường S, anh Ôn Trường H không có văn bản ghi ý kiến của mình gửi cho Tòa án.

Biên bản định giá tài sản ngày 06/4/2021 thì phần đất tranh chấp có giá trị 500.000đ/m² (Năm trăm nghìn đồng trên một mét vuông).

Biên bản định giá tài sản ngày 06/6/2022 thì:

- Căn nhà của ông Lê Thành P có diện tích 88,9m² kết cấu nhà sàn xi măng, mái tol, phía trước vách tol, phía sau vách tường, xây dựng năm 1962, tu sửa năm 2017-2018 có giá trị sử dụng còn lại là 53.766.000đ;

- Một cây măng cầu ta, có giá 115.000đ, các loại cây kiểng gồm 01 chậu lan denro, 01 chậu lan tím, 01 chậu lan denro tím đỏ, 01 chậu hồng đỏ, 01 chậu hồng nhạt, 01 chậu hồng trứng đỏ, 01 chậu hồng trứng trắng, 01 chậu hồng tím, 01 chậu hồng cánh tím đỏ, 01 chậu hồng cam, 01 chậu nguyệt quế thì không có trong danh mục định giá nên không thể định giá được.

Tại Công văn số 374/UBND-HC ngày 25/3/2022 của Ủy ban nhân dân huyện HN, cung cấp thông tin cho Tòa án có nội dung “ Thừa đất 521 tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại xã B, huyện HN, tỉnh ĐT chưa được người sử dụng đất kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Việc xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

- Về nội dung: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của Lê Văn C và Nguyễn Thị N là cha mẹ của cụ Đ (mẹ ông H), cụ M (ông nội ông P). Năm 1975 cụ C, cụ N chia đất cho con, lúc chia đất thì một phần đất của cụ M nằm bên phần đất của cụ Đ được cho, hiện nay ông H đang đứng tên quyền sử dụng đất thuộc thửa 126 tờ bản đồ số 06. Năm 2018 ông H, ông P phát sinh tranh chấp. Tòa án sơ thẩm và phúc thẩm đã giải quyết bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật. Về chứng cứ: Nguyên đơn ông H cho rằng bị đơn ông P cất nhà, trồng cây lấn qua phần đất của ông H chiều ngang 0,6m x chiều dài 21,8m = 13,08m² (đo đạc thực tế là 12,4m²) nên yêu cầu ông P trả làm lối đi chung. Tuy nhiên, ông H không đưa ra được chứng cứ chứng minh phần đất tranh chấp trên là thuộc quyền

sử dụng đất của cụ Đ để lại cho ông H nên yêu cầu của ông H không có cơ sở chấp nhận. Ngược lại, bị đơn ông P trình bày, tại bản án phúc thẩm số 135/2018/DS-PT ngày 04/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh ĐT đã nhận định “...phần đất tranh chấp thuộc thửa đất số 521 tờ bản đồ số 09 đất thuộc quyền sử dụng của những người thừa kế của ông M, đất chưa được cấp giấy (không thuộc thửa 126 tờ bản đồ 09 do ông H đứng tên quyền sử dụng đất)”. Qua đo đạc đúng như bản án phúc thẩm nhận định, ông P yêu cầu phản tố công nhận quyền sử dụng đất cho ông là có cơ sở chấp nhận.

Phần đất tranh chấp trên, tại bản án dân sự sơ thẩm, phúc thẩm trước đây các bên không tranh chấp nên Tòa án không xem xét giải quyết. Từ những phân tích và chứng cứ trên, cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận, yêu cầu phản tố của bị đơn là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ Điều 166, 208 Bộ luật Dân sự; các Điều 99, 100 Luật đất đai. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn H, về việc yêu cầu ông Lê Thành P di dời tài sản trả lại 13,8m² đất theo đo đạc thực tế là 12,4m² tại các thửa 2, 4, 6 theo sơ đồ đo đạc ngày 27/4/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện HN. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông P, công nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho những người thừa kế của cụ Lê Văn M là ông Lê Thành P.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn H yêu cầu ông Lê Thành P trả lại quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của cụ Lê Văn M gồm chị Lê Thị Tuyết T, chị Lê Thị Bảo N, bà Lê Thị P, bà Lê Thị K, bà Lê Thị S, bà Lê Thị M, chị Lê Thị N, anh Lê Thành N, chị Lê Thị H, chị Lê Thị N, chị Lê Thị Gh, chị Lê Thị Ngọc B, anh Lê Thành N, chị Lê Thị Tuyết G, chị Ôn Thị Thanh T, anh Ôn Trường G, chị Ôn Thị Thanh L, chị Ôn Thị Bích Đ, anh Ôn Trường S, anh Ôn Trường H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng đã vắng mặt tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của ông Lê Văn H là chưa có căn cứ để chấp nhận, vì: Theo sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp số 10-2020 ngày 06/03/2020 và ngày 27/4/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện HN thì phần đất tranh chấp có diện tích

12,4m² thuộc một phần thửa đất số 521, tờ bản đồ 09 tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện HN, tỉnh ĐT, trong đó:

[3.1] Tại thửa số 2 có diện tích 1,5m² (phía sau nhà ông P) trong phạm vi các mốc M12, M11, M13, M14 trở về mốc M12 tương ứng với thửa số 1, 4 của sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 28/11/2017 trong phạm vi các mốc M35, M30, M31, M32, M33, M34 trở về mốc M35 thì tại Bản án số 02/2018/DS-ST ngày 12/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện HN và Bản án số 135/2018/DS-PT ngày 04/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh ĐT đã nhận định là phần đất của cụ M và phần quyết định của 02 bản án đã tuyên buộc ông H, anh K phải tháo dỡ phần hàng rào, chuồng nuôi gà và các tài sản, vật dụng khác có trên đất để giao trả lại cho những người thừa kế của cụ M quản lý, sử dụng. Do đó, phần diện tích đất này đã được giải quyết bằng một bản án đã có hiệu lực pháp luật. Nghĩa là được giải quyết thuộc quyền quản lý, sử dụng của người thừa kế của vụ M.

[3.2] Tại thửa số 4 có diện tích 7,3m² (giữa nhà ông P) trong phạm vi các mốc M2, M3, M11, M18, M12 trở về mốc M2 tương ứng vị trí số 14, 18, 21 của sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 28/11/2017 thì tại Bản án số 02/2018/DS-ST ngày 12/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện HN và Bản án số 135/2018/DS-PT ngày 04/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh ĐT nhận định là nhà cụ M cất dính vào thửa 521 là phần đất thuộc quyền sử dụng của cụ M, hai bên không có tranh chấp nên những người thừa kế của cụ M được tiếp tục sử dụng tuy nhiên phần quyết định của 02 bản án lại không đề cập đến.

[3.3] Tại thửa số 6 có diện tích 3,6m² (sân trước nhà ông P, cạnh nhà chị T, chỗ ông P trồng hoa, cây) trong phạm vi các mốc M4, M5, M3, M2 trở về mốc M4 tương ứng vị trí số 25 của sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 28/11/2017 thì tại Bản án số 02/2018/DS-ST ngày 12/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện HN và Bản án số 135/2018/DS-PT ngày 04/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh ĐT nhận định là phần đất của cụ M đang sử dụng, là đất trống, ông H, anh L, chị T không có sử dụng và cũng không có tranh chấp nên những người thừa kế của cụ M được tiếp tục sử dụng tuy nhiên phần quyết định của 02 bản án lại không đề cập đến.

[3.4] Đồng thời, tại phần quyết định của Bản án số 02/2018/DS-ST ngày 12/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện HN và Bản án số 135/2018/DS-PT ngày 04/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh ĐT xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa 126, tờ bản đồ 09 do hộ ông Lê Văn H đứng tên quyền sử dụng đất với thửa 521 tờ bản đồ số 09 do những người thừa kế của cụ Lê Văn M là Lê Thành P, Lê Thị Tuyết T, Lê Thị Bảo N, Lê Thị P, Lê Thị K, Lê Thị S, Lê Thị M, Ôn Thị Thanh T, Ôn Trương G, Ôn Thị Thanh L, Ôn Thị Bích Đ, Ôn Trường S, Ôn Trường H đang quản lý, sử dụng là đoạn thẳng được nối bởi các mốc M23, M27, M26, M29, M30, M31, M32, M33, M40 và đoạn thẳng nối từ bởi các mốc M15, M11, M13 đất tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện HN theo sơ đồ đo đạc ngày 28/11/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện

HN tương ứng với phần đất hiện hai bên đang tranh chấp theo sơ đồ đặc thực tế ngày 27/4/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện HN là đoạn thẳng được nối bởi các mốc M5, M3, M18, M11, M13.

[3.5] Việc ông H cho rằng phần đất tranh chấp thuộc thửa 126 tờ bản đồ số 9 do ông đứng tên quyền sử dụng đất và ông Hùm cũng không có khiếu nại diện tích đất được cấp quyền sử dụng cho mình so với thực tế mà ông được thừa hưởng có chiều ngang 05m nên hiện còn 4,4m, thiếu chiều ngang là 0,6m nên yêu cầu ông P phải trả lại phần đất đã thiếu. Tuy nhiên, theo sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp số 10-2020 ngày 06/03/2020 và ngày 27/4/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện HN xác định phần đất tranh chấp có diện tích 12,4m² thuộc một phần thửa đất số 521, tờ bản đồ 09 tọa lạc tại xã B, huyện HN và tại 374/UBND-HC ngày 25/3/2022 của Ủy ban nhân dân huyện HN, cung cấp thông tin cho Tòa án có nội dung “Thửa đất 521 tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại xã B, huyện HN, tỉnh ĐT chưa được người sử dụng đất kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”. Nghĩa, phần đất ông H yêu cầu ông P trả lại có diện tích 12,4m² thì ông H không được cấp quyền sử dụng đất. Đồng thời, ông H cũng không có chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ.

[4] Từ những phân tích nêu trên cho thấy phần đất tranh chấp có diện tích 12,4m² thuộc một phần thửa đất số 521, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại xã B, huyện HN là của những người thừa kế của cụ Lê Văn M nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn H, buộc ông Lê Thanh P di dời cây trồng và tài sản trả lại cho ông H phần đất có diện tích 12,4m² thuộc một phần thửa đất số 521, tờ bản đồ số 09 tọa lạc tại xã B, huyện HN. Những người thừa kế của cụ Lê Văn M và người trong hộ ông Lê Thanh P gồm là Lê Thanh P, chị Lê Thị Tuyết T, chị Lê Thị Bảo N, bà Lê Thị P, bà Lê Thị K, bà Lê Thị S, bà Lê Thị M, chị Lê Thị N, anh Lê Thành N, chị Lê Thị H, chị Lê Thị N, chị Lê Thị Gh, chị Lê Thị Ngọc B, anh Lê Thành N, chị Lê Thị Tuyết G, chị Ôn Thị Thanh T, anh Ôn Trường G, chị Ôn Thị Thanh L, chị Ôn Thị Bích Đ, anh Ôn Trường S, anh Ôn Trường H được quyền sử dụng phần đất 10,9m² (trừ phần đất phía sau có diện tích 1,5m² đã được giải quyết tại Bản án số 02/2018/DS-ST ngày 12/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện HN và Bản án số 135/2018/DS-PT ngày 04/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh ĐT đã có hiệu lực pháp luật) trong phạm vi các mốc M4, M5, M3, M18, M11, M12, M2 trở về mốc M4, tại một phần thửa đất số 521, tờ bản đồ 09 tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện HN, tỉnh ĐT là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Đối với phần đất dùng làm lối đi có diện tích 17,9m² trong phạm vi các mốc M21, M4, M2, M1, M17, M19, M20 đến M21 là phần đất bên hong và trước cửa nhà ông P thuộc một phần thửa 521 tờ bản đồ số 09 thì ông Lê Văn H, ông Lê Thành P thống nhất làm lối đi chung, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về chi phí xem xét thẩm định: Tổng cộng là 1.771.000đ do yêu cầu của ông Lê Văn H không được chấp nhận nên ông H phải chịu chi phí này và đã chi xong là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn H chịu 300.000đ do yêu cầu của ông H không được chấp nhận được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0001108 ngày 17/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN là phù hợp với quy định tại Điều 144 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 1 Điều 92, Điều 144, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 24 Điều 3, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn H, về việc yêu cầu ông Lê Thành P di dời tài sản trả lại cho ông H phần đất có diện tích 12,4m² thuộc một phần thửa 521 tờ bản đồ 09, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện HN, tỉnh DT.

Những người thừa kế của cụ Lê Văn M và chung hộ với ông Lê Thành P gồm ông Lê Thành P, chị Lê Thị Tuyết T, chị Lê Thị Bảo N, bà Lê Thị P, bà Lê Thị K, bà Lê Thị S, bà Lê Thị M, chị Lê Thị N, anh Lê Thành N, chị Lê Thị H, chị Lê Thị N, chị Lê Thị Gh, chị Lê Thị Ngọc B, anh Lê Thành N, chị Lê Thị Tuyết G, chị Ôn Thị Thanh T, anh Ôn Trường G, chị Ôn Thị Thanh L, chị Ôn Thị Bích Đ, anh Ôn Trường S, anh Ôn Trường H được quyền sử dụng phần đất 10,9m² trong phạm vi các mốc M4, M5, M3, M18, M11, M12, M2 trở về mốc M4 thuộc một phần thửa đất 521, tờ bản đồ 09 tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện HN, tỉnh DT.

Ông Lê Thành P, chị Lê Thị Tuyết T, chị Lê Thị Bảo N, bà Lê Thị P, bà Lê Thị K, bà Lê Thị S, bà Lê Thị M, chị Lê Thị N, anh Lê Thành N, chị Lê Thị H, chị Lê Thị N, chị Lê Thị Gh, chị Lê Thị Ngọc B, anh Lê Thành N, chị Lê Thị Tuyết G, chị Ôn Thị Thanh T, anh Ôn Trường G, chị Ôn Thị Thanh L, chị Ôn Thị Bích Đ, anh Ôn Trường

S, anh Ôn Trường H được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/02/2022, sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 27/4/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện HN, tỉnh ĐT).

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng cộng là 1.771.000đ, ông H phải chịu chi phí này và đã chi xong

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn H chịu 300.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0001108 ngày 17/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/8/2022). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện HN;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Thùy Dung